

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số:/2026/HĐMB/NT-PP

- Căn cứ Bộ Luật Thương mại được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Cung cấp, hướng dẫn lắp đặt máy May ngang tự động (Số thông báo mời thầu: IB2600486587);
- Căn cứ Đơn dự thầu và Bảng báo giá dự thầu ngày 26 tháng 08 năm 2026 của Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Ngọc Thơm;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2026 tại trụ sở công ty, Chúng tôi gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT GIA DỤNG PHONG PHÚ**

Địa chỉ: Thôn Hạnh Trí, Xã Ninh Sơn, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0683.855.888

Đại diện bởi: (Bà) **BẠCH THỊ KIM CƯỜNG** Chức vụ: **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Mã số thuế: 4500470547

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà cung cấp: **CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM**

Địa chỉ trụ sở: 12/14/18 Đường 49, Khu phố 69, Phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Văn phòng giao dịch: 207/25/3 Phạm Văn Hai, Phường Tân Sơn Nhất, Tp. Hồ Chí Minh

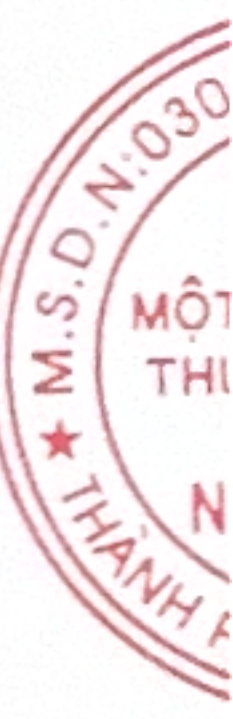
Điện thoại: 086.290.6631

Đại diện bởi: (Ông) **NGUYỄN BẢO THẠCH** Chức vụ: **Phó Giám đốc**

Mã số thuế: 0309391503

Tài khoản số: 072-1-00-510442-0 Tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Kỳ Đồng

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:



Điều 1. Chi Tiết Hàng Hóa-Số Lượng-Trị Giá

1.1 Chi Tiết Hàng Hóa-Số Lượng-Trị Giá

TT	Tên hàng hóa	Xuất xứ	SL (Bộ)	Đơn giá (đồng/bộ)	Thành tiền (VND)
1	MÁY MAY NGANG TỰ ĐỘNG - Model: HT-620 - Nhãn hiệu: HENGTAI - Năm sản xuất: 2026 - Chất lượng: mới 100%	Trung Quốc	01	1.788.400.000	1.788.400.000
2	Nâng cấp thêm 1 bộ nhãn treo theo yêu cầu	Trung Quốc	01	131.500.000	131.500.000
3	Phụ tùng kèm theo máy (Theo danh sách tại Phụ lục đính kèm)	Trung Quốc	01	0	0
CỘNG					1.919.900.000
THUẾ GTGT 8%					153.592.000
Tổng cộng đã bao gồm thuế GTGT 8%					2.073.492.000
<i>Bằng chữ: Hai tỷ không trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn./.</i>					

Ghi chú:

- Thuế GTGT chính thức sẽ được áp dụng theo Luật Thuế Việt Nam tại thời điểm phát hành hóa đơn GTGT. Tổng giá trị hợp đồng chính thức sẽ được tính bằng VND đã bao gồm thuế GTGT căn cứ theo hóa đơn đã phát hành theo quy định của Pháp luật;

- Giá trên là giá đã bao gồm thuế GTGT 8%, đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm lắp đặt, chi phí chuyên gia hướng dẫn lắp đặt và hướng dẫn vận hành, chuyển giao thiết bị;

- Chi tiết thiết bị: Tên, nước sản xuất, năm sản xuất, các đặc tính kỹ thuật ...sẽ được nêu chi tiết trong phụ lục hợp đồng đính kèm này.

Điều 2. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày, kể từ khi 02 bên ký hợp đồng.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

- Giá chưa thuế : 1.919.900.000 VND
- Thuế VAT 8% : 153.592.000 VND
- Giá bao gồm thuế : 2.073.492.000 VND

Tổng giá trị hợp đồng là : 2.073.492.000 đồng giá trên đã bao gồm thuế VAT.

Bằng chữ: Hai tỷ không trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn./.

Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: 100% chuyển khoản, chia thành 03 đợt.
- Thời hạn thanh toán:
 - ✓ Đợt 1: Đặt cọc 30% giá trị hợp đồng trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
 - ✓ Đợt 2: Thanh toán 50% giá trị hợp đồng trong vòng 07 ngày làm việc khi giao hàng và ký biên bản xác nhận của người có thẩm quyền của 02 bên.
 - ✓ Đợt 3: Thanh toán 20% còn lại sau khi 02 bên ký biên bản nghiệm thu và bàn giao, bên B mở chứng thư bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng (không bao gồm thuế GTGT), hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp cụ thể và được hai bên thỏa thuận bằng văn bản.
2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 8. Phạt vi phạm hợp đồng

1. Trong trường hợp Bên A thanh toán chậm quá 30 ngày kể từ ngày đến hạn thì bên A phải trả phần tiền trả chậm với lãi suất 1.5%/tháng/số tiền chậm trả được tính trên số ngày chậm trả (kể từ ngày đến hạn phải trả cho đến ngày trả trên thực tế) nhưng không vượt quá 5% giá trị hợp đồng.
2. Trong trường hợp bên B không giao hàng đúng thời hạn ghi trên hợp đồng không phải vì lý do bất khả kháng (động đất, chiến tranh, cấm vận... và những nguyên nhân không xác định được), bên A có quyền yêu cầu mức bồi thường tương đương với 1.5% giá trị của hàng hóa bị trễ cho mỗi tuần chậm trễ. Mức bồi thường sẽ không quá 5% giá trị hàng hóa bị trễ. Thời gian chậm trễ tối đa là hai (02) tuần làm việc.

Quá thời gian này Bên A có quyền hủy bỏ Hợp đồng và từ chối nhận hàng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:
 - a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
 - b) Bên B bị phá sản, giải thể;
 - c) Các hành vi khác (nếu có).
2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.
3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa

39
ÔN
TN
TH
ION
DICH
30C
HỒ

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hợp đồng.
2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Hàng hóa phải được vận chuyển đến địa điểm lắp đặt của bên A, tại Thôn Hạnh Trí, Xã Ninh Sơn, Tỉnh Khánh Hòa, chi phí bốc xếp bên nào bên đấy chịu.
3. Bên B cung cấp kỹ thuật viên hướng dẫn lắp đặt cho Bên A, Bên B chịu phí vận chuyển thiết bị từ cảng đến địa điểm lắp đặt; chi phí hướng dẫn lắp đặt và hướng dẫn vận hành thiết bị tại nhà máy; lương và phụ cấp cho chuyên viên kỹ thuật của bên B. Bên A chịu chi phí ăn ở, (bao gồm phí khách sạn và bữa ăn toàn thời gian), chi phí đưa rước từ khách sạn đến nơi lắp đặt (ngược lại) cho kỹ thuật viên của Bên B trong suốt thời gian làm việc tại Xưởng bên A.
4. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 12. Bảo quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.
2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng.

Điều 13. Bảo hành

1. Bên B đảm bảo rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới 100%, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.
2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau:
 - ✓ Bảo hành 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu và bàn giao.
 - ✓ Phát hành chứng thư bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng, hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu.

Điều 14. Nghiệm thu và bàn giao thiết bị

Thời gian nghiệm thu và bàn giao máy móc thiết bị là trong vòng 02 tuần sau khi hoàn thành lắp đặt và bàn giao máy móc thiết bị tại nhà máy (đại diện các bên xác nhận bằng văn bản), nhưng không vượt quá 03 tuần. 02 Bên sẽ ký biên bản nghiệm thu của người có thẩm quyền.

Trong trường hợp thời gian nghiệm thu quá 03 tuần nhưng không phải lỗi của bên B thì mặc nhiên máy móc thiết bị được coi là nghiệm thu và đã bàn giao cho Bên A thành công.

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra

giải quyết bằng trọng tài kinh tế của thành phố Hồ Chí Minh, phán quyết của trọng tài là phán quyết cuối cùng, chi phí trọng tài do bên thua kiện.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bộ, chủ đầu tư giữ 02 (hai) bộ, nhà thầu giữ 02 (hai) bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

BẠCH THỊ KIM CƯỜNG



NGUYỄN BẢO THẠCH

503
TY
.H
NH V
MAI
VU
HƠ
Ồ C

PHỤ LỤC

(Là phần không tách rời hợp đồng số:/2026/HĐMB/NT-PP, ngày .../.../.....)

Điều khoản về đặc tính kỹ thuật thiết bị được nhà sản xuất cung cấp cho người mua:

1. 01 máy may ngang tự động

STT	HẠNG MỤC	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU
	Model	HT-620	
	Năm sản xuất	2026	
	Số lượng máy	01	
A	Yêu cầu chung		
1	Sản phẩm	Khăn bông Terry towel). May được khăn có boder lớn, dày, cứng. Capable of sewing towels with large, thick and rigid borders. Phải chạy được khăn bông, vải không bông (terry towel). Must be able to run terry towels and non-terry fabrics.	May được khăn có viền lớn, dày, cứng, khăn thấm tẩm.
2	Chỉ may	20/2, 20/3, 40/2, 50/3 Cotton hoặc PE 20/2, 20/3, 40/2, 50/3 cotton or PE thread.	20/2, 20/3, 40/2, 50/3 sợi bông (Cotton) hoặc sợi tổng hợp (PE).
3	Trọng lượng khăn	230g-855g/m ²	230g-855g/m ²
4	Kích thước ngang của khăn	280mm-610mm	Phải may được khăn có kích thước 280mm-610mm.
5	Kích thước dọc của khăn	300mm-1280mm	Phải may được khăn có kích thước 300mm-1280mm.
6	Mật độ mũi may (bước mũi)	1.8-6 mũi/cm 1.8-6 stitches/cm	1.8-6 mũi/cm
7	Chiều rộng biên khăn sau may	10mm-25mm (various hems) 10-25 mm (various hems)	10mm-25mm (các kiểu gấp mép)
8	Chiều dài dệt trơn	74mm-164mm 74-164 mm	74mm-164mm
9	Chiều dài và bước mũi may lùi	- Chiều dài mũi: 1-10mm - Bước mũi: 1-5mm/mũi - Stitch length: 1-10 mm - Pitch: 1-5 mm/stitch	- Chiều dài mũi: 1-10mm - Bước mũi: 1-5mm/mũi

10	Lưu lượng khí tiêu thụ tối đa	5.5kg/cm ²	400 Lít/phút (áp suất 5.5 kg/cm ²)
11	Bộ cấp nhãn	2 bộ 2 sets	2 bộ
12	Số lượng gắn nhãn	1 nhãn mỗi đầu khăn 1 label at each end of the towel	1 nhãn mỗi đầu khăn
13	Quy cách gắn nhãn	Gắn ở đầu khăn: nhãn thẳng, vòng gấp bên trái. Attached at the towel end: straight label and left-side folded loop label. Nhãn treo gắn bên phải. Hanging label attached on the right side.	Gắn ở đầu khăn: nhãn thẳng, vòng gấp bên trái hoạt động ổn định không bị lỗi. Nhãn treo gắn bên phải hoạt động ổn định không bị lỗi.
14	Cơ cấu cấp nhãn	Dạng cuộn (roll) Roll type	Dạng cuộn
15	Loại nhãn và kích thước nhãn	Nhãn treo Hanging label Ngang: 10-20mm Width: 10-20 mm Dài: 100-140mm Length: 100-140 mm Hai nhãn phẳng bị chồng lên nhau Two flat labels overlapping.	Nhãn treo: - Chiều rộng: 10-20mm - Chiều dài: 100-140mm Hai nhãn phẳng bị chồng lên nhau.
16	Tốc độ máy	500 cái/giờ (PCR/HR) 500 pieces/hour (PCR/HR)	Năng suất 500 cái/giờ
17	Chiều dài nhãn	60mm-130mm 60-130 mm	Nhãn thẳng: Dài 60mm-130mm; Rộng 10mm-40mm
18	Chiều rộng nhãn	10mm-40mm 10-40 mm	10mm-40mm
19	Đường phát hiện nhãn (cảm biến nhãn)	2mm 2 mm	Đường định vị nhãn hoạt động 2mm
20	Chiều dài từng nhãn	30mm-130mm 30-130 mm	Nhãn gấp: Dài 30mm-130mm; Rộng 10mm-40mm
21	Chiều rộng từng nhãn	10mm-40mm 10-40 mm	10mm-40mm
22	Hiệu đầu máy	Nhà cung cấp ghi tên thương hiệu Supplier to specify brand name.	Nhà cung cấp ghi tên thương hiệu: HENGTAI

C. T. H. I. E. N. V. A. H. I. M. I.

23	Quy cách thiết bị	Nêu rõ To be specified.	Nêu rõ
24	Điện áp	Nguồn điện 1 pha, 220V, 50Hz hoặc 60Hz Single-phase power supply, 220V, 50 Hz or 60 Hz	Nguồn điện 1 pha, 220V, 50Hz hoặc 60Hz
25	Màn hình điều khiển hiển thị (Màn hình cảm ứng)	Điều chỉnh gấp đầu khăn hai bên trái phải bằng tự động màn hình HMI. Automatically adjust the folding of the left and right towel ends via the HMI touch screen.	Điều chỉnh gấp đầu khăn hai bên trái phải bằng tự động trên màn hình cảm ứng điều khiển.
26	Động cơ servo	Số lượng: 6 cái/bộ hoặc tương đương Quantity: 6 units/set or equivalent	Số lượng: 6 cái/bộ hoặc tương đương
27	Động cơ bước	Số lượng: 5 cái/máy hoặc tương đương Quantity: 5 units/machine or equivalent	Số lượng: 5 cái/máy hoặc tương đương
28	Xi lanh (khí nén)	Số lượng: 58 cái/máy hoặc tương đương Quantity: 58 units/machine or equivalent	Số lượng: 58 cái/máy hoặc tương đương
29	Phụ tùng dự trữ	Có Yes	Có (kèm theo danh mục vật tư phụ tùng chi tiết)

STT	B. DANH SÁCH VẬT TƯ KÈM THEO MÁY (PHỤ TÙNG KÈM THEO)	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	Bộ chặn con lăn kết hợp (Bộ chặn combo lượt)	Bộ	1
2	Xi lanh khí nén 16×25 (Piston 16x25)	Cây	3
3	Bộ kích áp khí nén (Bộ kích gió)	Bộ	1
4	Lò xo bàn đè trượt	Cái	10
5	Linh kiện bộ gắn nhãn treo (gồm 2 bộ dao lật nhãn, 1 bộ kẹp trên dưới)	Bộ	1
6	Bánh răng nhãn treo	Cái	3
7	Cốt bàn gấp	Cây	4
8	Bệ đỡ xi lanh (piston) nạp khăn (bên trong và bên ngoài)	Bộ	1
9	Nẹp dán bàn đè	Sợi	40
10	Bàn ép gấp số 1	Bộ	1
11	Cốt trục nối gấp số 2	Cây	2
12	Bộ linh kiện điều chỉnh bàn chải	Bịch	1
13	Cốt trục bàn dẫn hướng	Cây	2
14	Răng kẹp kéo khăn	Cái	5
15	Khớp nối gấp	Cái	4
16	Pát nhãn	Cái	1
17	Cốt trục bàn chặn	Cây	2
18	Kẹp giữ nhãn	Cái	2
19	Núm vặn điều chỉnh	Cái	2
20	Xi lanh bàn lùa	Cái	2
21	Lò xo bàn lùa	Cái	10
22	Bộ giảm chấn bàn lùa loại nhỏ	Cái	10
23	Bộ nối bàn lùa	Cái	2
24	Bàn chặn định tâm giữa khăn	Bộ	2
25	Miếng đệm giảm chấn vuông (2 loại)	Cái	8
26	Ốc giảm chấn đầu bọc cao su	Cái	4
27	Lò xo dao cắt nhãn	Cái	5
28	Lò xo bàn kéo khăn	Cái	2
29	Pát đỡ xi lanh đẩy khăn	Cái	2
30	Dây cảm biến quang đầu xanh	Sợi	2
31	Dây cảm biến xi lanh đầu chặn	Sợi	2
32	Động cơ cấp nhãn	Bộ	1
33	Cục điều khiển điện tử	Bộ	1
34	Cụm kéo dây đai truyền động	Bộ	1
35	Bộ gạt nhãn piston	Bộ	1
36	Bộ gấp 1 loại 1 cm	Bộ	1
37	Bộ gấp 2 loại 2 cm	Bộ	1
38	Tấm đè gấp loại nhỏ	Cái	10
39	Tấm đè gấp loại lớn	Cái	10